

Số: 600/QĐ-STC

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ công văn số 7313/STC-TCHCSN ngày 10/12/2017 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự toán năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-STC ngày 29/12/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn Phòng Sở;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tài chính theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Sở Tài chính, lãnh đạo các phòng có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (P.HCSN)
- Kho bạc Nhà nước Tỉnh (2);
- Ban Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, KT, VP(3);



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 600 /QĐ-STC ngày 20/12/2019 về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020)

Nội dung	Loại khoản	MNNS	Tổng dự toán được giao	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
<u>I. Thu chi ngân sách về phí, lệ phí</u>			0	0	0
<u>II. Dự toán chi NSNN</u>			<u>27,274</u>	<u>1,078</u>	<u>26,196</u>
1. Quản lý nhà nước	340. 341		27,274	1,078	26,196
- Kinh phí hoạt động thường xuyên (tự chủ)		13	13,417	484	12,933
Chi con người (88 biên chế)			8,124	0	8,124
Chi hoạt động (VP Sở 55 triệu đồng; Chi cục			4,840	484	4,356
+Kinh phí trích 30% thu hồi sau Thanh Tra			453	0	453
2.Kinh phí không hoạt động thường xuyên		12	13,857	594	13,263
a. Hợp đồng 161			868	44	824
Chi con người (88 biên chế)			428	0	428
Chi hoạt động (VP Sở 55 triệu đồng; Chi cục			440	44	396
b. Các nhiệm vụ			12,989	550	12,439
+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh			3,000		3,000
+ Kinh phí lưu trữ			50		50

Nội dung	Loại khoản	MNNS	Tổng dự toán được giao	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động xử phạt hành chính			136		136
+Trang phục Thanh Tra sở			45		45
+Thay thế thiết bị mạng hết thời hạn bảo trì, hư hỏng			100		100
+Kinh phí chuyên môn nghiệp vụ khác			250		250
+Kinh phí sửa chữa ô tô, may photocopy			150		150
+Kinh phí sửa chữa hệ thống PCCC			50		50
+Kinh phí trang bị tài sản			200	20	180
+Kinh phí đào tạo bồi dưỡng			200		200
+Kinh phí sửa chữa nhỏ			300	30	270
+Kinh phí hội đồng thẩm định giá Đất và giá nhà nước			895		895
+Kinh phí hỗ trợ thạc sĩ, đại học			50		50
+Hệ số điều chỉnh giá đất, thuê tư vấn thẩm định giá đất			2,000		2,000
+Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành về thuế và giá			0		
+Kinh phí liên quan đến mua sắm tập trung			150		150
+Kinh phí tổ chức học tập kinh nghiệm ngành tài chính			500	50	450

Nội dung	Loại khoản	MNNS	Tổng dự toán được giao	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị được sử dụng
+ Kinh phí Ban đổi mới DN			413		413
+ Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ từ năm 2015 về trước của TCDN sau khi giải thể tiếp nhận về Sở Tài chính			1,500	150	1350
+Kinh phí số hóa tài liệu lưu trữ theo TT 02/2019/TT-BNV			3,000	300	2700

